

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỐ
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 07/2018/HSST
Ngày 25-6-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỐ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các hội thẩm nhân dân

Ông Võ Duy Trinh – Cán bộ hưu trí

Ông Nguyễn Thanh Tiếp – Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Trực – kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2018/ HSST ngày 09/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (Tên gọi khác: T M) – sinh ngày 10 tháng 01 năm 1978 tại xã X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Khắc bia mộ; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn H (chết) và bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1938; vợ: Nguyễn Thị H1 (đã ly hôn), con: Nguyễn Trọng N – sinh năm 2007; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Vào năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 07 năm tù về tội “ Mua bán trái pháp chất ma túy” theo bản án số: 58/HSST ngày 29/8/2002, đến năm 2005 được đặc xá về địa phương; tháng 11/2013 bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Quảng Ngãi đến tháng 01/2016 trở về địa phương; Bị cáo bị tạm giữ ngày 05/02/2018 và được trả tự do trong ngày 05/02/2018, bị bắt tạm giam từ ngày 21

tháng 02 năm 2018 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo có bà Hồng Thị Tràng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Chị Nguyễn Thị Bích T1 – sinh năm 1962

Trú tại: Số 599 đường A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Bích L – sinh 1962

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Ngọc Đ – sinh năm 1965

Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 20 phút, ngày 05/02/2018 tại đường Nguyễn Nghiêm thuộc tổ dân phố 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi, Công an huyện Đức Phổ phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T, sinh năm 1978, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trên người của Nguyễn Văn T 01 gói giấy bạc, bên trong có chứa tinh thể màu trắng, Nguyễn Văn T khai nhận các tinh thể bên trong gói giấy bạc là ma túy đá T vừa mua ở TP. Q mang về để sử dụng. Công an huyện Đức Phổ tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn T về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Theo Kết luận giám định số: 250/KLGD-PC54 ngày 07/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định.

- Chất rắn, dạng hạt tinh thể màu trắng, bên trong gói giấy bạc thu được của Nguyễn Văn T có khối lượng là 0,29 gam; có Methamphetamine; hàm

lượng Methamphetamine là 65,26%. Do đó, khối lượng Methamphetamine tinh chất có trong 0,29gam là 0,18 gam.

- Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82, ngày 19/7/2013 của Chính phủ

Trong quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận.

Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 05/02/2018 Nguyễn Văn T đi xe khách đến Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Ngãi để uống thuốc cai nghiện ma túy (Methadone), sau khi uống thuốc xong đến khoảng 8 giờ 30 phút Nguyễn Văn T gặp một người thanh niên có tên là B (không biết rõ tên, tuổi và địa chỉ cụ thể) thì B nói với T: hôm nay có “đường ngon”, lấy không (nghĩa là có ma túy ngon, có mua không). T đồng ý và đưa 300.000 đồng cho B, B nhận tiền và đi khoảng 30 phút thì quay lại đưa cho T một gói giấy bạc bên trong chứa ma túy dạng đá, T bỏ gói ma túy vào vỏ bao thuốc con ngựa, bọc vào túi áo khoác rồi đón xe về nhà ở thị trấn Y, khi T xuống xe tại đường C thuộc tổ dân phố A, thị trấn Y thì bị Công an huyện Đức Phổ phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như đã nêu.

Cáo trạng số: 06/ CT - VKS ngày 09/ 05/ 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đã truy tố Nguyễn Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo khó khăn, hiện bị cáo ở với mẹ già nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) ống thủy tinh hình phễu; 08 (tám) ống thủy tinh hình tròn; 02 (hai) ống hút bằng nhựa; 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng, các vật dụng này là của Nguyễn Văn T dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, đã qua sử dụng và 3.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với tội danh mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo ở với mẹ già không còn khả năng lao động. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đề xử phạt bị cáo 12 tháng tù.

Đề nghị trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động và 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo.

Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn văn T khai nhận: Bị cáo là người nghiện ma túy nên vào sáng ngày 05/02/2018 bị cáo đến Trung tâm phòng chống HIV/ADS để uống Methadone, sau khi uống thuốc xong bị cáo nhờ người tên B không rõ nhân thân, lai lịch đề mua “đường ngon” là một dạng chất kích thích, mục đích để sử dụng thay thế cho heroin. Sau khi mua xong bị cáo bỏ vào bao thuốc để về lại thị trấn Y, khi về đến thị trấn Y thì bị Công an huyện Đức Phổ bắt

quả tang. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Theo kết luận giám định số: 520/KLGD-PC54 ngày 07/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định trong 0,29gam chất rắn, danh hạt tinh thể màu trắng có khối lượng chất Methaphatmion là 0,18 gam. Vì vậy hành vi của của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét bị cáo là công dân Việt Nam có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về pháp luật và xã hội. Bị cáo đủ điều kiện để nhận thức được rằng ma túy là một tệ nạn xã hội nhưng do nghiện ma túy nên bị cáo có hành vi tàng trữ với mục đích để sử dụng. Bị cáo trước đây vào năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị đưa đi cai nghiện bắt buộc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục tàng trữ ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự địa phương. Để bị cáo có thời gian cải tạo nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đang sống với mẹ già không còn khả năng lao động được. Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Việc xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; 02 (hai) ống thủy tinh hình phễu; 08 (tám) ống thủy tinh hình tròn; 02 (hai) ống hút bằng nhựa; 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng, các vật dụng này là của Nguyễn Văn T dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, đã qua sử dụng và 3.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

[6] Đối với người tên “B” cơ quan điều tra chưa xác minh được địa chỉ, lai lịch nên cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa về mức án chưa phù hợp nên không được chấp nhận; chấp nhận đề nghị của người bào chữa về trả lại điện thoại di động cùng số tiền thu giữ của bị cáo 3.000.000 đồng và miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/ 02/ 2018, được trừ thời gian bị tạm giữ ngày 05/02/2018 vào thời gian chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(một) bì niêm phong số 250/PC54(GĐ-2018) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, phía sau có dòng chữ “mẫu vật hoàn trả sau giám định”, 02 (hai) ống thủy tinh hình phễu; 08 (tám) ống thủy tinh ngắn hình tròn; 02 (hai) ống hút bằng nhựa; 02 (hai) lưỡi dao lam đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel màu xanh, đã qua sử dụng (đựng trong một bì niêm phong có chữ ký giáp lai của Nguyễn Văn T) và số tiền 3.000.000đồng (ba triệu đồng) đã thu giữ của bị cáo.

Theo biên bản bản giao, nhận vật chứng ngày 18/5/2018 giữa Công an huyện Đức Phổ và Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hành sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Cơ quan CSĐT công an huyện Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS công an huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Kha